

Bản án số: 25/2019/HS-ST
Ngày 16-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 05/TB-TA ngày 25 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Kh, sinh năm 1974 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Ch, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th và bà Trịnh Thị G ; có vợ là Chu Thị Ph và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2018; có mặt.

2. Trịnh Thị D, sinh năm 1985 tại Thanh Hóa; ĐKTT: Thôn Y , xã V , huyện V, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Tr, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2018; có mặt.

3. Nguyễn Thu H, sinh năm 1985 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Tr, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn

Quang D và bà Khiếu Thị Th; có chồng là Nguyễn Thanh D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/5/2018; có mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Đỗ Thị Th, chị Nguyễn Thị Ngọc Á, bà Phạm Thị Ngọc M, anh Nguyễn Đình L, anh Nguyễn Khánh T, anh Cao Văn T, anh Lương Anh T, chị Vũ Thị M, ông Bùi Thanh Th, ông Nguyễn Văn S, chị Phạm Thị H, anh Đoàn Quang H, đều vắng mặt. Chị Vũ Thị Ph có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương nhận được đơn tố cáo của quần chúng nhân dân về việc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ H (viết tắt là Công ty H), trụ sở tại thôn M, xã N, huyện A có hoạt động mua bán trái phép hóa đơn. Thông qua việc xác minh đơn tố cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã xác định được Công ty H mua hóa đơn từ Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Tr và Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tr do Phạm Văn Kh điều hành. Cơ quan điều tra đã triệu tập Phạm Văn Kh đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra Phạm Văn Kh khai nhận:

Từ cuối năm 2014, Phạm Văn Kh đã thuê Nguyễn Thị Ngọc Á (sinh năm 1988; trú tại: Tổ 1, xóm Tr, phường Đ, quận Ng, thành phố Hải Phòng) làm thủ tục thành lập lần lượt 08 công ty, mỗi công ty Kh phải trả cho Á 35.000.000 đồng. Kh trực tiếp điều hành các công ty hoạt động mua bán trái phép hóa đơn, cụ thể các công ty sau: Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Tr (viết tắt là Công ty Tr), giám đốc công ty là bà Tr, sinh năm 1983; trú tại: Số 3/1/32 Nguyễn Hữu T, phường G, quận Ng, Hải Phòng. Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tr (viết tắt là Công ty Tr), giám đốc công ty là ông Lương Anh T, sinh năm 1979; trú tại: Số 268 Đ, phường C, quận Ng, Hải Phòng. Công ty TNHH thương mại Th (viết tắt là Công ty Th), giám đốc công ty là ông Cao Văn T, sinh năm 1987; trú tại: Tổ dân phố Q, phường M, quận Đ, Hải Phòng. Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp H (viết tắt là Công ty H), giám đốc công ty là bà Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1988; trú tại: Tổ 1, xóm Tr, phường Đ, quận Ng, Hải Phòng. 04 Công ty trên có trụ sở tại: Thôn T, xã M, huyện K, Hải Phòng. Công ty TNHH đầu tư thương mại xây dựng vận tải Gi (viết tắt là Công ty Gi), giám đốc công ty là bà Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1960; trú tại: Số 3/1/32 Nguyễn Hữu T, phường G, quận Ng, Hải Phòng. Công ty TNHH đầu tư thương mại và phát triển Th (viết tắt là Công ty Th), giám đốc công ty là bà Tr, sinh năm 1983; trú tại: Số 3/1/32 Nguyễn Hữu T, phường G, quận Ng, Hải Phòng. 02 Công ty trên có trụ sở tại: Thôn Th, xã M, huyện K, Hải Phòng. Công ty TNHH phát triển thương mại và vận tải Q (viết tắt là Công ty Q), có trụ sở công ty tại: Thôn K, xã H, huyện K, Hải Phòng. Giám đốc công ty là ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1988; trú tại: Tổ 1, xóm Tr, phường Đ, quận Ng, Hải Phòng. 07 Công ty nêu trên đều kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế huyện K. Công ty TNHH thương mại vận tải Kh (viết

tất là Công ty Kh), có trụ sở công ty tại: Số 42D đường Đ, phường Th, quận H, Hải Phòng; giám đốc công ty là ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1977; trú tại: Số 23T3 CT4 A9 phường V, quận Ng, Hải Phòng; Công ty kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế quận H.

1. Hành vi mua bán hóa đơn xảy ra tại 08 công ty nêu trên do Phạm Văn Kh điều hành.

Trên thực tế 08 công ty trên không kinh doanh bất kỳ loại hàng hóa dịch vụ gì mà chỉ thực hiện việc mua bán hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là hóa đơn GTGT). Để thực hiện việc bán hóa đơn, Kh thông qua Nguyễn Thu H thuê Trịnh Thị D làm kế toán cho các công ty trên với mức lương khởi điểm là 3.000.000 đồng/tháng, sau đó theo thời gian tăng lên 5.000.000 đồng/tháng và 6.000.000 đồng/tháng, tổng số tiền D được trả lương là 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng). D, H nhận thức rõ hoạt động của 08 công ty trên là mua bán trái phép hóa đơn. Về phương thức hoạt động của các công ty thì Kh là người trực tiếp giao dịch, thống nhất về giá cả, số tiền và mặt hàng viết trên hóa đơn với khách hàng. Sau đó, khách hàng liên lạc với D để D viết hóa đơn theo nội dung đã được thống nhất từ trước, D ký vào mục “Người bán hàng” và mục “Thủ trưởng đơn vị” sau đó đóng dấu tròn công ty, dấu chức danh giám đốc. Nhiệm vụ của D tại các công ty là viết hóa đơn, giao dịch ngân hàng, soạn thảo hợp đồng, khai báo thuế. Nguyễn Thu H đã viết hộ cho D 22 số hóa đơn của công ty Th và 13 số hóa đơn của công ty Q, nộp tiền 01 lần cho công ty Kh, rút tiền 01 lần cho công ty H, 02 lần cho công ty Th, 02 lần cho công ty Q và nộp tiền 01 lần cho công ty Q.

Nguyễn Thị Ngọc Á khai nhận: Sau khi được Kh nhờ làm thủ tục thành lập các công ty, Á được hưởng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), số tiền còn lại Á chuyển cho một người phụ nữ (không rõ lai lịch) để thực hiện các thủ tục thành lập doanh nghiệp. Á không biết Kh thành lập các công ty để hoạt động mua bán hóa đơn.

Xác minh, ghi lời khai đối với những người đứng tên giám đốc các công ty gồm: Lương Anh T, Nguyễn Đình L, Cao Văn T, Nguyễn Khánh T, Phạm Thị Ngọc M đều khai nhận được một người phụ nữ (không rõ lai lịch) thuê đứng tên giám đốc công ty và được trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), họ không biết được bản chất hoạt động của các công ty mà họ đứng tên giám đốc. Đối với Tr là giám đốc của 02 công ty Th và công ty Tr hiện không có mặt tại địa phương, nên cơ quan điều tra chưa làm việc được. Xác minh trụ sở của 08 công ty nêu trên đều không treo biển công ty và không có hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chủ nhà đều trình bày: Khoảng năm 2014 có người phụ nữ (không rõ lai lịch) đến hỏi thuê nhà làm trụ sở công ty với giá là 300.000 đồng/tháng hoặc thuê trụ sở với giá 5.000.000 đồng/năm.

Cuối năm 2014, khi mới thành lập công ty Kh mua hóa đơn đầu vào của một người đàn ông (không rõ lai lịch) với số lượng hóa đơn là 15 tờ với giá là 1.800.000 đồng/tờ, tổng số tiền Kh bỏ ra để mua là 27.000.000 đồng, với tổng số tiền hàng hóa dịch vụ mua vào chưa thuế là 14.587.050.000 đồng.

Xác minh tại Cơ quan thuế thể hiện 02 doanh nghiệp đầu vào của công ty Hgồm: Công ty TNHH dịch vụ công nghệ truyền thông và thương mại C và Công ty cổ phần đầu tư thương mại và tổng hợp N hiện không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ công ty và Chi cục thuế đã ra thông báo về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh mang theo hóa đơn.

Kể từ khi thành lập và hoạt động các công ty đã bán được số hóa đơn cụ thể như sau:

Công ty H đã bán ra 677 số hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra chưa thuế là 261.752.149.870 đồng. Công ty Th đã bán ra 844 số hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra chưa thuế là 299.337.904.210 đồng. Công ty Q đã bán ra 681 số hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra chưa thuế là 265.629.277.237 đồng. Công ty Kh đã bán ra 10 số hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra chưa thuế là 9.230.094.450 đồng. Công ty Tr đã bán ra 653 số hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra chưa thuế là 334.093.420.995 đồng. Công ty Tr đã bán ra 404 số hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra chưa thuế là 270.446.841.186 đồng. Công ty Gi đã bán ra 50 số hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra chưa thuế là 2.774.390.245 đồng. Tổng số hóa đơn của 08 công ty đã bán ra là 3319 số hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra chưa thuế là 1.443.264.078.193 đồng.

Kh khai nhận từ khi thành lập các công ty đến nay Kh bán không hóa đơn với giá là 0,5% (không phẩy năm phần trăm) trên tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn chưa bao gồm thuế. Riêng đối với công ty H từ tháng 01/2017 đến tháng 6/2017, Kh bán cho Vũ Thị Ph với giá 0,6% (không phẩy sáu phần trăm), từ tháng 7/2017 đến tháng 9/2017 Kh bán với giá 0,7% (không phẩy bảy phần trăm), từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017 Kh bán với giá 01% (một phần trăm) từ tháng 01/2018 đến tháng 3/2018 Kh bán với giá 1,3% (Một phẩy ba phần trăm) trên tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn chưa bao gồm thuế.

Quá trình hoạt động bán trái phép hóa đơn tại 08 công ty trên, với tổng số 3319 số hóa đơn bán ra, Kh thu được số tiền là 7.598.487.799 đồng (bảy tỷ năm trăm chín mươi tám triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm chín chín đồng), sau khi trừ đi các chi phí gồm tiền in hóa đơn, nộp các loại thuế, tiền mua hóa đơn đầu vào, trả lương cho Trịnh Thị D thì số tiền còn lại Kh thu lợi bất chính là: 5.670.894.022 đồng (năm tỷ sáu trăm bảy mươi triệu tám trăm chín mươi tư nghìn không trăm hai mươi hai đồng).

Đối với 176 công ty đã sử dụng hóa đơn của 08 công ty nêu trên, tiến hành làm việc được với 132 công ty, đại diện các công ty này đều khai nhận qua trung gian mua hàng hóa có thật, không mua hóa đơn không; đã tiến hành xác minh 33 công ty nhưng không xác định được trụ sở hoặc giám đốc vắng mặt tại địa phương, triệu tập giám đốc của 11 công ty nhưng không lên làm việc.

Trong số khách hàng Kh bán trái phép hóa đơn có Công ty TNHH thương mại dịch vụ H, có trụ sở tại thôn M, xã N, huyện A, Hải Phòng hoạt động trong

lĩnh vực kinh doanh thương mại sắt thép, giám đốc công ty là ông Lê Hồng S, kê khai tại Chi cục thuế huyện An Dương. Ông S giao toàn quyền cho vợ là Vũ Thị Ph quản lý điều hành công ty. Từ đầu năm 2017 đến hết quý 01/2018, Ph đã mua hóa đơn khống của 02 công ty do Kh điều hành là công ty Tr 35 số và công ty Tr 69 số. Trong các số hóa đơn trên Ph khai đã mua về để hợp lý hóa số hàng hóa công ty H đã mua trôi nổi ngoài thị trường không có hóa đơn để kê khai với cơ quan thuế. Phương đã kê khai với cơ quan thuế huyện An Dương tổng số là 86 số hóa đơn tương ứng số tiền chưa thuế là 86.479.281.242 đồng (tám mươi sáu tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng), còn lại 18 số hóa đơn tương ứng với số tiền chưa thuế là 26.016.749.500 đồng, Ph chưa làm thủ tục kê khai với Cơ quan thuế. Tại kết luận giám định ngày 26/11/2018 của Cục thuế Hải Phòng xác định công ty H đã trốn thuế, gian lận thuế tổng số là 86 (tám mươi sáu) số hóa đơn tương ứng số tiền thuế là 8.647.928.124 đồng (tám tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, một trăm hai mươi bốn đồng).

2. Hành vi mua bán hóa đơn xảy ra tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và đầu tư phát triển H (viết tắt là Công ty H).

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thu H khai nhận: Công ty H, có địa chỉ trụ sở tại: Thôn T, xã M, huyện K, Hải Phòng; giám đốc công ty là bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1981; trú tại: Số 268B, phường C, quận Ng, Hải Phòng; Công ty kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế huyện K. Khoảng tháng 11 năm 2015, Chu Thành T (sinh năm 1967, trú tại: thôn N, xã Q, huyện A, Hải Phòng) thông qua Kh thuê H làm kế toán cho công ty H với mức lương 3.000.000 đồng/tháng; đến tháng 8/2017 thì công ty ngừng hoạt động. Về phương thức hoạt động, khách hàng trực tiếp giao dịch với T thống nhất về giá cả, mặt hàng cần ghi trên hóa đơn rồi sau đó H trực tiếp viết nội dung lên các hóa đơn, H tự ký vào mục “Thủ trưởng đơn vị”, đóng dấu tròn công ty và dấu chức danh Giám đốc công ty, sau đó bàn giao lại cho khách kèm theo là giấy giới thiệu và giấy rút tiền đóng dấu sẵn chưa viết nội dung để khách hàng khi chuyển tiền vào tài khoản công ty bán hóa đơn thì sẽ tự rút tiền ra, cũng có khi H là người rút tiền ra và chuyển lại cho khách hàng. Nhiệm vụ của H là viết hóa đơn GTGT, soạn thảo hợp đồng, rút chuyển tiền ngân hàng, báo cáo thuế theo sự chỉ đạo của T. H đã được hưởng tổng số tiền lương là 63.000.000 đồng (sáu mươi ba triệu đồng). Trong quá trình làm việc, Trịnh Thị D có viết hộ H 14 số hóa đơn cho công ty H, đã rút tiền từ tài khoản của công ty H 105 lần. Quá trình hoạt động từ tháng 9/2015, công ty H đã bán ra 622 số hóa đơn, với tổng số tiền hàng hóa dịch vụ bán ra chưa thuế là 157.425.871.318 đồng.

Xác minh người đứng tên giám đốc Công ty H, bà Đỗ Thị Th khai nhận khoảng giữa năm 2015, được một người phụ nữ tên “H” (không rõ lai lịch) thuê đứng tên giám đốc với giá là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), không biết công ty hoạt động như thế nào. Xác minh tại địa chỉ trụ sở công ty H không treo biển hiệu cũng như không có hoạt động kinh doanh.

Đối với các công ty sử dụng hóa đơn của Công ty H, đại diện 32 công ty này đều khai nhận qua trung gian mua hàng hóa có thật, không mua hóa đơn khống; đã tiến hành xác minh 03 công ty nhưng không làm việc được vì không xác định được trụ sở hoặc giám đốc vắng mặt tại địa phương, triệu tập giám đốc của 05 công ty nhưng không lên làm việc.

Tại Kết luận giám định số 40/KLGD ngày 28/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ viết qua giấy than trên 02 hóa đơn GTGT (liên 2) của công ty Tr và trên 13 hóa đơn GTGT (liên 2) của công ty Tr so với chữ viết của Trịnh Thị D là của cùng một người. Chữ viết trên 02 hóa đơn GTGT (liên 1) của công ty Tr và trên 6 hóa đơn GTGT (liên 1) của công ty Tr so với chữ viết của Trịnh Thị D là của cùng một người. Chữ viết, chữ ký mang tên “Vũ Thị H” và “Vũ Văn H” tại mục người bán hàng trên 2 hóa đơn GTGT (liên 2) của công ty Tr và trên 13 hóa đơn GTGT (liên 2) của công ty Tr so với chữ viết, chữ ký do Trịnh Thị D viết, ký giả tên Vũ Thị H và Vũ Văn H là của cùng một người. Chữ ký mang tên giám đốc Tr tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên 2 hóa đơn GTGT (liên 1) của công ty Tr so với chữ ký do Trịnh Thị D ký giả tên Tr là của cùng một người (bút lục: 493-494)

Tại Kết luận giám định số 113/KLGD ngày 12/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

- Chữ viết qua giấy than trên 20 hóa đơn GTGT (liên 2) của công ty Tr so với chữ viết của Trịnh Thị D là của cùng một người. Chữ ký mang tên giám đốc Lương Anh T tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên 20 hóa đơn GTGT (liên 2) của công ty Tr so với chữ ký do Trịnh Thị D ký giả tên Lương Anh T là của cùng một người. Chữ viết có nội D “H” tại mục “Người bán hàng” trên 20 hóa đơn GTGT (liên 2) của công ty Tr so với chữ viết của Trịnh Thị D là của cùng một người.

- Chữ viết qua giấy than trên 35 hóa đơn GTGT (liên 2) của công ty H so với chữ viết của Nguyễn Thu H là của cùng một người. Chữ ký mang tên giám đốc Đỗ Thị Th tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên 35 hóa đơn GTGT (liên 2) của công ty H so với chữ ký do Nguyễn Thu H ký giả tên Đỗ Thị Th là của cùng một người (bút lục: 502-503).

Về vật chứng của vụ án và tài sản bị thu giữ:

Ngày 26/4/2018, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Dương, Trịnh Thị D đã tự nguyện giao nộp đồ vật, tài liệu liên quan đến hoạt động mua bán trái phép hóa đơn cụ thể gồm:

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Tr, MST: 0201730158; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Tr.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH xây dựng và thương mại Tr, MST: 0201749631; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Lương Anh T.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại và phát triển Th, MST: 0201845695; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Tr.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại xây dựng vận tải Gi, MST: 0201829069; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Phạm Thị Ngọc M.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH thương mại vận tải Kh, MST: 0201319558; 02 (hai) dấu chức danh giám đốc Nguyễn Khánh T, 01 (một) dấu chữ ký.

- 01(một) USB chữ ký số mã số CA2 1900545407; 01(một) USB chữ ký số mã số 5404150808000776; 01(một) USB chữ ký số NewTel-CA mã số U11403001990; 01(một) USB chữ ký số NEWCA mã số L11710143645; 01(Một) USB chữ ký số NEWCA mã số L11711146291; 01(một) USB chữ ký số mã số L11603033599; 01(một) USB chữ ký số mã số 5404140808013755; 01(một) USB chữ ký số màu đen hiệu SmartSign.

- 01(một) máy tính xách tay phục vụ cho hoạt động mua bán trái phép hóa đơn, nhãn hiệu LENOVO số hiệu Lenovo G400s, mã số: Model name 20244; S/N: CB26937170; P/N: 59391069; MO: CB03102759; Factory ID: PRC4.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đã thu giữ các hóa đơn, chứng từ, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và một số tài liệu khác (bao gồm 07 quyền hóa đơn GTGT của Công ty Tr, 06 quyền hóa đơn GTGT của Công ty Tr, 01 quyền hóa đơn GTGT của Công ty Kh, 01 quyền hóa đơn của Công ty Gi, các giấy phép thành lập doanh nghiệp, các tờ khai thuế, giấy rút tiền mặt...).

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKSAD ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Phạm Văn Kh và Trịnh Thị D về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo các điểm d, đ, e khoản 2, Điều 203 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thu H bị truy tố về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn Kh, Trịnh Thị D và Nguyễn Thu H khai nhận về hành vi "Mua bán trái phép hóa đơn" như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo Kh khai nhận số tiền bị cáo đã chi cho việc thành lập doanh nghiệp, chi phí in hóa đơn, nộp các loại thuế, trả lương cho kế toán, phí dịch vụ chuyển khoản Ngân hàng là 5.409.774.749 đồng, thực tế bị cáo chỉ được hưởng số tiền là: 2.188.713.050 đồng. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo đã nộp tổng số tiền là 1.600.000.000 đồng; bị cáo Trịnh Thị D và Nguyễn Thu H khai số tiền lương thực tế mà các bị cáo được nhận (bị cáo Trịnh Thị D là 145.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thu H là 63.000.000 đồng) các bị cáo không được hưởng toàn bộ mà còn phải chịu chi phí cho giấy in, thay mực, tiền mạng, xăng xe..., trung bình mỗi tháng bị cáo D phải chi phí 1.200.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thu H phải chi phí khoảng 800.000 đồng. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo D đã nộp lại số tiền 145.000.000 đồng, bị cáo H đã nộp lại 63.000.000 đồng. Các bị cáo D, H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về các khoản chi phí thực tế các bị cáo phải chi như đã trình bày và số tiền thực tế các bị cáo được hưởng để đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo.

Người làm chứng Vũ Thị Ph khai tại phiên tòa Ph làm kế toán của Công ty H từ đầu năm 2017 đến hết quý 1 năm 2018, Ph đã mua hóa đơn khống của 02 Công ty do Kh điều hành là Công ty Tr 35 số hóa đơn và Công ty Tr 69 số hóa đơn với mục đích để hợp lý hóa số hàng hóa công ty H đã mua trôi nổi ngoài thị trường không có hóa đơn để kê khai với cơ quan thuế nhằm trốn thuế. Ph trực tiếp giao dịch với Kh để thống nhất giá và số tiền ghi trên hóa đơn sau đó Ph gặp kế toán để làm các thủ tục nhận hóa đơn, việc chuyển tiền vào tài khoản là do bên bán hóa đơn thực hiện.

Công bố lời khai của những người làm chứng có nội dung như các bị cáo đã khai nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và rút lượng truy tố đối với bị cáo Phạm Văn Kh về số lượng tiền thu lợi bất chính từ 5.670.894.022 đồng xuống còn 2.188.713.050 đồng (trừ phí dịch vụ chuyển khoản Ngân hàng; tiền mua 15 số hóa đơn và trả tiền thuê giám đốc, làm thủ tục thành lập 08 công ty).

Đối với các vấn đề khác, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn Kh từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn"; xử phạt bị cáo Trịnh Thị D từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn";

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

Về số tiền thu lợi bất chính: Về số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Văn Kh, theo cáo trạng số 12/CT-VKSAD ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có nêu quá trình hoạt động mua bán trái phép hóa đơn tại 08 công ty, với tổng số 3319 số hóa đơn bán ra, Kh thu được số tiền là 7.598.487.799 đồng, trừ đi các chi phí gồm tiền in hóa đơn, nộp thuế, trả lương cho Trịnh Thị D thì số tiền còn lại Kh thu lợi bất chính là 5.670.894.022 đồng. Tuy nhiên, sau khi xem xét các chi phí khác bị cáo Kh khai nhận phải chi gồm phí thành lập doanh nghiệp, phí dịch vụ chuyển khoản ngân hàng, trả tiền mua 15 số hóa đơn GTGT để kê khai thuế đầu vào cho công ty H tháng 12/2014; mặc dù không có hóa đơn cụ thể nhưng xét thấy đây là những chi phí thực tế bị cáo cần phải chi và xét theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên chấp nhận tổng số tiền bị cáo Kh thực tế đã chi gồm chi phí in hóa đơn, nộp các loại thuế, phí thành lập doanh nghiệp, trả lương cho Trịnh Thị D, phí chuyển khoản ngân hàng; trả tiền mua 15 số hóa đơn GTGT để kê khai thuế đầu vào cho công ty H tháng 12/2014 là 5.409.774.749 đồng, bị cáo còn được hưởng số tiền là: 2.188.713.050 đồng.

Về số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Trịnh Thị D và Nguyễn Thu H: Bị cáo D giúp sức cho Phạm Văn Kh bán trái phép hóa đơn và được bị cáo Kh trả lương số tiền 145.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thu H có hành vi giúp sức mua bán trái phép hóa đơn tại Công ty H và được trả lương số tiền 63.000.000 đồng. Các bị cáo D và H khai số tiền lương các bị cáo được trả bị cáo không được hưởng toàn bộ mà phải chịu chi phí cho tiền giấy in, đồ mực, tiền mạng, xăng xe... Xét thấy các khoản chi phí các bị cáo khai đều không có hóa đơn, hơn nữa chi phí này cũng phục vụ cho sinh hoạt cá nhân của các bị cáo nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên lượng truy tố về số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo D và bị cáo H.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc bị cáo Phạm Văn Kh phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.188.713.050 đồng. Bị cáo Kh đã nộp 1.600.000.000 đồng nên bị cáo phải nộp tiếp số tiền 588.713.050 đồng; bị cáo Trịnh Thị D phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 145.000.000 đồng, bị cáo D đã nộp 145.000.000 đồng nên không phải nộp nữa; bị cáo Nguyễn Thu H phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 63.000.000 đồng, bị cáo H đã nộp 63.000.000 đồng nên không phải nộp nữa.

Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là hóa đơn, chứng từ, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can và một số tài liệu khác (bao gồm 07 quyền hóa đơn GTGT của Công ty Tr, 06 quyền hóa đơn GTGT của Công ty Tr, 01 quyền hóa đơn GTGT của Công ty Kh, 01 quyền hóa đơn của Công ty Gi, các giấy phép thành lập doanh nghiệp, các tờ khai thuế, giấy rút tiền mặt...) được đánh số bút lục cho vào hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án nên không xét.

Tịch thu tiêu hủy các dấu tròn, dấu chức danh, USB chứa dữ liệu gồm:

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Tr, MST: 0201730158; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Tr.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH xây dựng và thương mại Tr, MST: 0201749631; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Lương Anh T.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại và phát triển Th, MST: 0201845695; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Tr.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại xây dựng vận tải Gi, MST: 0201829069; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Phạm Thị Ngọc M.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH thương mại vận tải Kh, MST: 0201319558; 02 (hai) dấu chức danh giám đốc Nguyễn Khánh T, 01 (một) dấu chữ ký.

- 01(một) USB chữ ký số mã số CA2 1900545407; 01(một) USB chữ ký số mã số 5404150808000776; 01(một) USB chữ ký số NewTel-CA mã số U11403001990; 01(một) USB chữ ký số NEWCA mã số L11710143645; 01(một) USB chữ ký số NEWCA mã số L11711146291; 01(một) USB chữ ký số mã số L11603033599; 01(Một) USB chữ ký số mã số 5404140808013755; 01(một) USB chữ ký số màu đen hiệu SmartSign.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 máy tính xách tay nhãn hiệu LENOVO số hiệu Lenovo G400s, mã số: Model name 20244; S/N: CB26937170; P/N: 59391069; MO: CB03102759; Factory ID: PRC4

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội, tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Hội đồng xét xử xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với Kết luận giám định, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định từ khoảng cuối năm 2014 đến đầu năm 2018, Phạm Văn Kh đã chỉ đạo điều hành 08 công ty (gồm Công ty Tr, Công ty Tr, Công ty Th, công ty H, Công ty Gi, Công ty Th, Công ty Q, Công ty Kh) bán trái phép 3319 hóa đơn GTGT tương ứng với số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 1.443.264.078.193 đồng thu được số tiền là 7.598.457.799 đồng và mua trái phép 15 hóa đơn GTGT tương ứng với số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 14.587.050.000 đồng hết 27.000.000 đồng. Sau khi trừ đi tiền thuế các loại (1.750.703.777 đồng), tiền mua hóa đơn GTGT đầu vào (27.000.000 đồng), tiền in hóa đơn (31.890.000 đồng), tiền trả lương cho kế toán Trịnh Thị D (145.000.000 đồng), tiền thuê chuyển khoản, phí Ngân hàng (3.175.180.972 đồng), bị cáo Kh đã thu lợi bất chính số tiền 2.188.713.050 đồng. Trong số hóa đơn Kh bán ra có 86 hóa đơn GTGT, Công ty H đã sử dụng hoạch toán báo cáo thuế nhằm mục đích trốn thuế, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước với số tiền 8.647.928.124 đồng ; bị cáo Trịnh Thị D giúp sức cho Phạm Văn Kh bán trái phép hóa đơn GTGT và làm thất thoát của Nhà nước số tiền như trên, thu lợi bất chính 145.000.000 đồng. Nguyễn Thu H giúp sức cho Chu Thành T bán trái phép 622 số hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính 63.000.000 đồng và viết hộ D một số hóa đơn, đi nộp tiền và rút tiền hộ D một vài lần. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Phạm Văn Kh, Trịnh Thị D và Nguyễn Thu H đồng phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" vi phạm khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, quy định về tội Mua bán trái phép hóa đơn (khoản 2 Điều 203) có mức hình phạt nhẹ hơn

(khoản 2 Điều 164a) Bộ luật hình sự năm 1999 nên áp dụng khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý các bị cáo Phạm Văn Kh, Trịnh Thị D và Nguyễn Thu H.

[3] Bị cáo Phạm Văn Kh đã chỉ đạo điều hành 08 công ty (như đã nói ở trên) thực hiện hành vi bán trái phép 3319 hóa đơn GTGT; mua 15 số hóa đơn GTGT; Trịnh Thị D giúp sức cho Phạm Văn Kh bán trái phép hóa đơn GTGT với số lượng như trên. Nguyễn Thu H giúp sức cho Chu Thành T bán trái phép 622 số hóa đơn GTGT. Như vậy, số hóa đơn đã ghi nội D các bị cáo Phạm Văn Kh, Trịnh Thị D, Nguyễn Thu H bán trái phép đều trên 30 số hóa đơn nên hành vi của các bị cáo Phạm Văn Kh, Trịnh Thị D và Nguyễn Thu H đã vi phạm điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015. Ngoài ra, các bị cáo Phạm Văn Kh và Trịnh Thị D đều thu lợi bất chính số tiền trên 100.000.0000 đồng và gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước 8.647.928.124 đồng, nên hành vi của các bị cáo Phạm Văn Kh và Trịnh Thị D đã vi phạm thêm các điểm đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo:

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trên lĩnh vực thuế, tài chính, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến ngân sách. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện nộp một phần số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả, cụ thể: Bị cáo Phạm Văn Kh đã nộp lại 1.600.000.000 đồng; bị cáo Trịnh Thị D đã nộp lại 145.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thu H đã nộp lại 63.000.000 đồng nên các bị cáo Phạm Văn Kh, Trịnh Thị D và Nguyễn Thu H đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Vụ án có đồng phạm, Hội đồng xét xử phân hóa vai trò của các bị cáo như sau: Bị cáo Phạm Văn Kh là người có vai trò cao nhất trong vụ án, chủ động thành lập nhiều công ty, trực tiếp chỉ đạo điều hành thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT, số tiền bị cáo thu lời bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn là lớn nhất. Bị cáo Trịnh Thị D đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Kh, làm việc theo sự điều hành của bị cáo Kh bán trái phép số hóa đơn GTGT, bị cáo là người làm thuê không được ăn chia cùng với bị cáo Kh, số tiền thu lợi bất chính ít hơn bị cáo Kh. Bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo Kh. Đối với Nguyễn Thu H là người làm thuê giúp sức cho Chu Thành T bán trái phép hóa đơn GTGT và viết hộ Trịnh Thị D một số hóa đơn, nộp và rút tiền tại Ngân hàng giúp D một vài

lần, bị cáo không được ăn chia cùng chỉ được hưởng lương hàng tháng, số tiền thu lời bất chính thấp nhất nên vai trò của bị cáo là thấp nhất trong vụ án.

- Về số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo:

[8] Đối với bị cáo Phạm Văn Kh: Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn Kh thu được từ việc bán trái phép hóa đơn GTGT là: 7.598.487.799 đồng. Trong đó, chi nộp Ngân sách Nhà nước là: 1.750.703.777 đồng (gồm thuế môn bài: 30.500.000 đồng; thuế GTGT: 1.431.936.112 đồng; thuế TNDN: 262.902.977 đồng; tiền phạt chậm nộp thuế và các khoản thu khác: 25.364.688 đồng); trả tiền mua 15 số hóa đơn GTGT để kê khai thuế đầu vào cho công ty H tháng 12/2014 với giá 1.800.000 đồng/tờ x15 tờ= 27.000.000 đồng; trả tiền in 160 quyển hóa đơn là: 31.890.000 đồng; tiền thuê chuyển khoản, phí Ngân hàng: 3.175.180.972 đồng; trả tiền thuê giám đốc, làm thủ tục thành lập 08 công ty là: 280.000.000 đồng; trả lương cho Trịnh Thị D là: 145.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đối với các khoản tiền bị cáo Kh khai đã chi gồm chi thuê giám đốc, thành lập doanh nghiệp; mua 15 số hóa đơn GTGT để kê khai đầu vào cho Công ty H; in hóa đơn, chi nộp thuế, trả lương cho bị cáo Trịnh Thị D đều có căn cứ chứng minh, riêng khoản tiền thuê chuyển khoản, phí Ngân hàng mặc dù không có hóa đơn chứng từ chứng minh ngoài lời khai của bị cáo nhưng tại phiên tòa bị cáo Trịnh Thị D và người làm chứng Vũ Thị Ph đều khẳng định tiền thuê chuyển khoản và phí Ngân hàng là do bị cáo Kh chi, bị cáo D đã nhiều lần trực tiếp mang tiền đi nộp và rút tiền về đưa cho bị cáo Kh. Mặt khác Hội đồng xét xử xét thấy số tiền bị cáo thu lợi bất chính chỉ có số tiền bán hóa đơn cho công ty H là có căn cứ chứng minh còn các công ty khác chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo để xác định; do vậy các khoản chi phí cũng căn cứ vào lời khai của bị cáo. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo một mực khẳng định tổng số tiền bị cáo đã chi phí là: 5.409.774.749 đồng và bị cáo được hưởng lợi số tiền là: 2.188.713.050 đồng nên xét theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền bị cáo đã chi là 5.409.774.749 đồng; như vậy số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 2.188.713.050 đồng. Tại giai đoạn điều tra và tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tổng số tiền là 1.600.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên bị cáo còn phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 588.713.050 đồng.

[9] Bị cáo Trịnh Thị D giúp sức cho Phạm Văn Kh bán trái phép hóa đơn và được bị cáo Kh trả lương số tiền 145.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thu H có hành vi giúp sức mua bán trái phép hóa đơn tại Công ty H và được trả lương số tiền 63.000.000 đồng. Các bị cáo D và H đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính này. Đối với việc các bị cáo Trịnh Thị D và Nguyễn Thu H khai nhận số tiền lương các bị cáo được hưởng (Bị cáo D là 145.000.000 đồng và bị cáo H là 63.000.000 đồng) thực tế các bị cáo còn phải chi trả cho việc mua giấy in, đồ mực, tiền mạng, xăng xe và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các chi phí các bị cáo khai đã chi không có hóa đơn và đồng thời các chi phí này cũng là chi phí sử dụng cho cá nhân của các bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

- Về hình phạt:

[10] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Phạm Văn Kh, Trịnh Thị D, Nguyễn Thu H đều có nhân thân tốt, các bị cáo đều chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có nơi cư trú ổn định. Mặt khác, hành vi vi phạm của các bị cáo thuộc loại tội phạm vi phạm trật tự quản lý kinh tế, mục đích phạm tội của các bị cáo là hướng tới kinh tế, là lợi nhuận nên việc thu hồi cho Ngân sách Nhà nước những thiệt hại, tổn thất về kinh tế do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là yếu tố cần thiết nhất đối với loại tội phạm này. Quan điểm này cũng thể hiện ngay trong việc xây dựng các quy định pháp luật thể hiện tại khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999, chỉ quy định mức hình phạt tù, trong khi đó tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù. Trong vụ án này việc khắc phục thiệt hại đối với hành vi của các bị cáo đã được thực hiện; các bị cáo Trịnh Thị D và Nguyễn Thu H đã nộp lại đầy đủ tiền thu lợi bất chính, bị cáo Phạm Văn Kh đã nộp phần lớn số tiền thu lợi bất chính nên có thể áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo mà không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Tại phiên tòa sau khi kết thúc phần tranh luận bị cáo Kh đã tự nguyện nộp 500.000.000 đồng, bị cáo D đã nộp 250.000.000 đồng, bị cáo Huyền nộp 200.000.000 đồng, số tiền này Hội đồng xét xử sẽ xử lý khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[11] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[12] Đối với các vật chứng gồm:

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Tr, MST: 0201730158; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Tr.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH xây dựng và thương mại Tr, MST: 0201749631; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Lương Anh T.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại và phát triển Th, MST: 0201845695; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Tr.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại xây dựng vận tải Gi, MST: 0201829069; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Phạm Thị Ngọc M.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH thương mại vận tải Kh, MST: 0201319558; 02 (hai) dấu chức danh giám đốc Nguyễn Khánh T, 01 (một) dấu chữ ký.

- 01(một) USB chữ ký số mã số CA2 1900545407; 01(một) USB chữ ký số mã số 5404150808000776; 01(một) USB chữ ký số NewTel-CA mã số U11403001990; 01(một) USB chữ ký số NEWCA mã số L11710143645; 01(một) USB chữ ký số NEWCA mã số L11711146291; 01(một) USB chữ ký số mã số L11603033599; 01(một)

USB chữ ký số mã số 5404140808013755; 01(một) USB chữ ký số màu đen hiệu SmartSign.

Là những vật chứng của vụ án dùng vào việc phạm tội, giá trị sử dụng không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

[13] Đối với 01(một) máy tính xách tay phục vụ cho hoạt động mua bán trái phép hóa đơn, nhãn hiệu LENOVO số hiệu Lenovo G400s, mã số: Model name 20244; S/N: CB26937170; P/N: 59391069; MO: CB03102759; Factory ID: PRC4 là vật chứng vụ án sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

[14] Đối với vật chứng là hóa đơn, chứng từ, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và một số tài liệu khác (bao gồm 07 quyển hóa đơn GTGT của Công ty Tr, 06 quyển hóa đơn GTGT của Công ty Tr, 01 quyển hóa đơn GTGT của Công ty Kh, 01 quyển hóa đơn của Công ty Gi, các giấy phép thành lập doanh nghiệp, các tờ khai thuế, giấy rút tiền mặt...) được đánh số bút lục cho vào hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về các vấn đề khác:

[15] Đối với Chu Thành T, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Dương đã tiến hành xác minh nhưng T vắng mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[16] Đối với Nguyễn Thị Ngọc Á, Cao Văn T, Nguyễn Khánh T, Lương Anh T, Đỗ Thị Th, Phạm Thị Ngọc M, Nguyễn Đình L là người đứng tên giám đốc của các công ty trên nhưng không nhận thức được bản chất hoạt động của các công ty này là mua bán trái phép hóa đơn nên không có căn cứ khởi tố.

[17] Đối với Vũ Thị Ph là người đã mua của Kh 86 số hóa đơn của hai công ty Tr và Tr để kê khai với Cơ quan thuế hợp lý hóa hàng hóa mua vào không có hóa đơn của công ty H, Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án trốn thuế xảy ra tại công ty H để điều tra xử lý theo quy định.

[18] Đối với các công ty sử dụng hóa đơn, các đối tượng trung gian mua hóa đơn của 09 công ty trên, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

[19] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

Phạm Văn Kh 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng) về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Bị cáo đã thi hành nộp số tiền 500.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương theo biên lai thu tiền số 0001826 ngày 16 tháng 5

năm 2019 nên không phải thi hành nữa, số tiền 100.000.000đồng chuyển sang phần nộp lại tiền thu lợi bất chính của bị cáo.

Căn cứ vào các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

Trịnh Thị D 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Bị cáo đã thi hành nộp 250.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương theo biên lai thu tiền số 0001824 ngày 16 tháng 5 năm 2019 nên không phải thi hành nữa.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

Nguyễn Thu H 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng) về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Bị cáo đã thi hành nộp 200.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương theo biên lai thu tiền số 0001827 ngày 16 tháng 5 năm 2019 nên không phải thi hành nữa.

Về số tiền thu lợi bất chính: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Phạm Văn Kh phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.188.713.050đồng để sung Ngân sách Nhà nước, bị cáo đã nộp tại giai đoạn điều tra 100.000.000đồng, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử 1.500.000.000đồng và tại phiên tòa 100.000.000đồng (theo các biên lai thu tiền số 0001816 ngày 15 tháng 5 năm 2019, biên lai thu tiền số 0001826 ngày 16 tháng 5 năm 2019 và giấy Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 06 ngày 15/02/2019 vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương), bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 488.713.050đồng.

Bị cáo Trịnh Thị D phải nộp lại số tiền 145.000.000đồng thu lợi bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước, bị cáo đã nộp 145.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương theo các biên lai thu tiền số 0001798 ngày 28/02/2019 và 0001803 ngày 19/3/2019 nên không phải nộp nữa.

Bị cáo Nguyễn Thu H phải nộp lại số tiền 63.000.000đồng thu lợi bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước, bị cáo đã nộp 63.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương theo biên lai thu tiền số 0001804 ngày 19/3/2019 nên không phải nộp nữa.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thu lợi bất chính thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Tr, MST: 0201730158; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Tr.

- 01(Một) dấu tròn công ty TNHH xây dựng và thương mại Tr, MST: 0201749631; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Lương Anh T.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại và phát triển Th, MST: 0201845695; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Tr.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH đầu tư thương mại xây dựng vận tải Gi, MST: 0201829069; 01 (một) dấu chức danh giám đốc Phạm Thị Ngọc M.

- 01(một) dấu tròn công ty TNHH thương mại vận tải Kh, MST: 0201319558; 02 (hai) dấu chức danh giám đốc Nguyễn Khánh T, 01 (một) dấu chữ ký.

- 01(một) USB chữ ký số mã số CA2 1900545407; 01(một) USB chữ ký số mã số 5404150808000776; 01(một) USB chữ ký số NewTel-CA mã số U11403001990; 01(Một) USB chữ ký số NEWCA mã số L11710143645; 01(một) USB chữ ký số NEWCA mã số L11711146291; 01(một) USB chữ ký số mã số L11603033599; 01(một) USB chữ ký số mã số 5404140808013755; 01(một) USB chữ ký số màu đen hiệu SmartSign.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01(một) máy tính xách tay phục vụ cho hoạt động mua bán trái phép hóa đơn, nhãn hiệu LENOVO số hiệu Lenovo G400s, mã số: Model name 20244; S/N: CB26937170; P/N: 59391069; MO: CB03102759; Factory ID: PRC4.

(Tình trạng đặc điểm vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/01/2019)

Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Công an huyện An Dương;
- Phòng PV 27; Phòng PC 81; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện An Dương;
- Trại tạm giam - Công an Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tĩnh